

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÒA BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/DS-ST

Ngày: 27 - 02 - 2023

*“V/v yêu cầu chia tài sản chung
và chia thừa kế”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH – TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Trường Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Nhiên và ông Phạm Quốc Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên
tòa:** Bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2022/TLST -DS, ngày 23/11/2022 về “Yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-DS, ngày 06/02/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953

Trú tại: tổ 04, phường ĐT, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1986

HKTT: KĐT ĐT, xã TTO, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Chỗ ở: tổ 04, phường ĐT, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980

Nơi cư trú: tổ 04, phường ĐT, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

(Anh T đã bị tuyên bố mất tích).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, ý kiến trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L như sau:

Bà và ông Nguyễn Đình **H1** kết hôn năm 1979, sinh được 02 con là Nguyễn Văn **T**, sinh năm 1980 và Nguyễn Quang **H**, sinh năm 1986. Quá trình chung sống vợ chồng bà đã xây dựng được khối tài sản chung là 01 lô đất (Thửa số 17, tờ bản đồ số 08, diện tích 101,2 m²) và 01 nhà cấp 4 với diện tích xây dựng khoảng 40 m² (xây năm 2001 trên thửa đất số 17), địa chỉ: tổ 04, phường ĐT, TP Hòa Bình.

Ngày 07/9/2011 ông **H1** mắc bệnh hiểm nghèo rồi qua đời, không để lại di chúc. Đến ngày 24/12/2011 anh **T** bị mắc bệnh tâm thần bẩm sinh cũng bỏ nhà ra đi không để lại tung tích gì. Ngày 07/9/2022 TAND thành phố Hòa Bình đã ra quyết định tuyên bố anh Nguyễn Văn **T** mất tích. Do tuổi cao, bệnh tật nên bà muốn bán thửa đất trên để lấy tiền chữa trị, tuy nhiên anh **H** không đồng ý vì cho rằng đây là tài sản của anh **H** và anh **T**. Nay bà yêu cầu Tòa án chia khối tài sản chung của bà và ông **H1** và yêu cầu chia di sản thừa kế của ông **H1** theo quy định của pháp luật.

*2. Theo bản tự khai, các ý kiến trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Quang **H** trình bày:*

Gia đình anh có bố là Nguyễn Đình **H1**, mẹ là Nguyễn Thị **L**, anh trai là Nguyễn Văn **T**, sinh năm 1980. Quá trình chung sống bố mẹ anh đã xây dựng được khối tài sản chung là 01 nhà cấp 4 diện tích khoảng 40 m², xây dựng trên thửa đất số 17, tờ bản đồ số 08, diện tích 101,2 m², địa chỉ: tổ 04, phường ĐT, TP Hòa Bình. Anh cũng khẳng định đây là tài sản chung của bố mẹ anh, vì thời điểm đó anh và anh **T** còn nhỏ không có đóng góp gì. Ngày 07/9/2011 bố anh mắc bệnh rồi qua đời không để lại di chúc. Đến ngày 24/12/2011 anh **T** cũng bỏ nhà đi biệt tích và Tòa án nhân dân TP Hòa Bình đã ra quyết định tuyên bố mất tích đối với anh **T**. Nay mẹ anh là bà Nguyễn Thị **L** yêu cầu chia khối tài sản chung và chia thừa kế để bán, anh không đồng ý vì lúc còn sống bố anh đã di chúc miệng là cho khối tài sản trên cho anh và anh **T**.

Ngày 09/12/2022 các bên đương sự đã lập biên bản thống nhất về giá trị tài sản tranh chấp là: Thửa đất số 17 có giá là 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng) và 01 nhà cấp 4 diện tích xây dựng khoảng 40 m², xây tường vôi 220 lợp Proximang (xây năm 2001) có giá là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Ngày 23/12/2022 Tòa án nhân dân TP Hòa Bình cùng Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hòa Bình đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và trích đo đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 08, diện tích 101,2 m², địa chỉ: tổ 04, phường ĐT, TP Hòa Bình.

Tòa án nhân dân TP Hòa Bình đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự theo đúng trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không thành, do đó vụ án phải đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 69, 70, 234, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660, 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 97, 98, 99 Luật Đất đai; Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình; Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của UBND tỉnh Hòa Bình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xác nhận bà Nguyễn Thị L có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 568, tờ bản đồ số 08, diện tích 48,2 m² (Loại đất ODT), địa chỉ: tổ 04, phường ĐT, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình và anh Nguyễn Quang H có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 567, tờ bản đồ số 08, diện tích 51,9 m² (Loại đất ODT), địa chỉ: tổ 04, phường ĐT, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế. Địa chỉ thửa đất số 17, diện tích 101,2 m² là đối tượng tranh chấp thuộc tổ 04, phường ĐT, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Bị đơn có nơi cư trú tại: tổ 04, phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ khoản 5, khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền về loại việc và thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình.

- Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đã xác định phạm vi khởi kiện của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh H không có yêu cầu phản tố. Các đương sự cũng không có khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tiến hành tố tụng của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, nên các hành vi, quyết định tố tụng của Tòa án là hợp pháp.

- Về sự vắng mặt người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân TP Hòa Bình tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

* Đối với yêu cầu chia tài sản chung: Theo lời khai của các bên đương sự đều khẳng định và thống nhất thửa đất số 17, tờ bản đồ số 08, diện tích 101,2 m², địa chỉ: tổ 04, phường ĐT, TP Hòa Bình (Giấy chứng nhận QSD đất số DE 858553, số vào sổ cấp GCN: CS03286, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hòa Bình cấp ngày 10/8/2022) và 01 nhà cấp 4 diện tích khoảng 40 m² (xây năm 2001) là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Đình **H1** và bà Nguyễn Thị **L** được xây dựng trong quá trình hôn nhân. Các con là Nguyễn Văn **T** và Nguyễn Quang **H** không có công sức đóng góp gì trong khối tài sản trên.

Căn cứ Điều 29, Điều 33 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Điều 210 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì thửa đất số 17, tờ bản đồ số 08, diện tích 101,2 m², địa chỉ: tổ 04, phường ĐT, TP Hòa Bình và 01 nhà cấp 4 diện tích khoảng 40 m² là tài sản chung hợp nhất của vợ chồng bà **L**, ông **H1** và bà Nguyễn Thị **L** có quyền sở hữu, sử dụng 1/2 đối với khối tài sản trên.

Tại đơn đề nghị ngày 18/01/2023 bà Nguyễn Thị **L** và anh Nguyễn Quang **H** đã có ý kiến thống nhất đồng ý với kết quả trích đo hiện trạng của thửa đất số 17, tờ bản đồ số 08 có diện tích là 100,1 m² và không tranh chấp với các hộ giáp ranh. Bà **L** cũng có ý kiến xin được nhận phần tài sản theo trích đo ngày 10/01/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hòa Bình là thửa đất số 568, diện tích 48,2 m². Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của các bên đương sự và nguyện vọng của bà **L** là tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông **H1** và phù hợp với quy định của pháp luật dân sự nên cần chấp nhận.

* Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình Hảo:

- Về xác định hàng thừa kế: Ông Nguyễn Đình Hảo và Nguyễn Thị **L** kết hôn sinh được 02 con là Nguyễn Văn **T** và Nguyễn Quang **H**. Năm 2011 ông **H1** chết không để lại di chúc, do đó việc chia di sản được thực hiện theo pháp luật. Bố mẹ đẻ của ông **H1** là ông Nguyễn Đình **D** đã chết năm 1947, mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị **L1** đã chết năm 1997. Như vậy hàng thừa kế thứ nhất được xác định gồm có: bà **L**, anh **T** và anh **H**.

- Về xác định khối di sản thừa kế: Như đã nhận định tại phần chia tài sản chung, đã xác định được phần tài sản của bà Nguyễn Thị **L** là thửa đất số 568, diện tích 48,2 m², như vậy phần còn lại là thửa đất số 567, diện tích 51,9 m² và 01 căn nhà cấp 4 nằm trên lô đất này được xác định là di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình **H1** để lại. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 09/12/2022 các bên đương sự đã thống nhất thỏa thuận về giá trị của khối di sản là:

+ Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 08, diện tích 101,2 m², địa chỉ: tổ 04, phường ĐT, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình có giá là 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng).

+ 01 nhà cấp 4 diện tích xây dựng khoảng 40 m², xây tường vôi 220 lớp Proximang (xây năm 2001) có giá là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Về cách chia di sản thừa kế: Theo quy định của Điều 651 và Điều 652 Bộ luật dân sự thì những người thừa kế cùng hàng sẽ được hưởng phần di sản bằng nhau.

Giá trị khối di sản được xác định như sau:

+ Giá trị của lô đất số 568 được tính: $750.000.000đ : 100,1 \text{ m}^2 = 7.492.000đ/\text{m}^2 \Rightarrow 51,9 \text{ m}^2 \times 7.492.000đ = 388.835.000 \text{ đồng}$.

+ Giá trị của căn nhà cấp 4 là: 50.000.000 đồng.

Như vậy bà **L**, anh **Tịnh**, anh **Hợp** mỗi người được hưởng khối di sản thừa kế tương ứng với giá trị là: $438.835.000đ : 3 = 146.278.000 \text{ đồng}$.

Trong vụ án này bà **L** có nguyện vọng được nhận phần di sản của mình và tặng cho lại anh **Nguyễn Quang H**. Như vậy anh **H** sẽ được hưởng 2/3 khối di sản. Hiện anh **Nguyễn Văn T** đã mất tích nên cũng không thực hiện được quyền quản lý và sử dụng đất của mình. Anh **H** cũng chưa có nhà cửa ổn định và có nguyện vọng xin được giao sử dụng lô đất số 567. Xét nguyện vọng trên của các đương sự là phù hợp với pháp luật dân sự và luật đất đai, nên cần chấp nhận.

Do đó anh **Nguyễn Quang H** phải có nghĩa vụ trích, chia kỹ phần di sản thừa kế của ông **H1** để lại cho anh **Nguyễn Văn T** số tiền là 146.278.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm bảy tám nghìn đồng), khi anh **Tịnh** trở về.

2.2. Đối với ý kiến của bị đơn anh **Nguyễn Quang H** cho rằng khi còn sống ông **Nguyễn Đình H1** đã cho anh **T** và anh **H** toàn bộ thửa đất số 17. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh **H** không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Từ những đánh giá và nhận định nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về chi phí tố tụng: Bà **Nguyễn Thị L** đã nộp chi phí trích đo thửa đất cho Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hòa Bình số tiền là 2.127.000 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi bảy nghìn đồng). Nay nguyên đơn có ý kiến xin tự nguyện nộp số tiền trên nên Tòa không xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn là “Người cao tuổi” nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn án phí cho bà **Nguyễn Thị L**. Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, 157, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 69, 70, 210, 234, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 97, 98, 99 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 29, 33 và Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 12 và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Quyết định số: 10/2022/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của UBND tỉnh Hòa Bình về sửa đổi, bổ sung một số Quy định ban hành kèm theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình thuộc lĩnh vực đất đai.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị **L** có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 568, tờ bản đồ số 08, diện tích 48,2 m² (Loại đất ODT), địa chỉ: tổ 04, phường ĐT, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Có vị trí tứ cận thửa đất: Phía Đông bắc giáp đường Phan Huy Chú, phía Tây Nam giáp hộ ông Đặng Ngọc **T1**, phía Đông Nam giáp hộ ông Lê Đức **T3**, phía Tây Bắc giáp thửa đất của anh Nguyễn Quang **H**. *(Có sơ đồ thửa đất kèm theo)*

1.2. Anh Nguyễn Quang **H** có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 567, tờ bản đồ số 08, diện tích 51,9 m² (Loại đất ODT), địa chỉ: tổ 04, phường ĐT, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Có vị trí tứ cận thửa đất: Phía Đông bắc giáp đường Phan Huy Chú, phía Tây Nam giáp hộ ông Đặng Ngọc **T** (bà Ninh Thị **T2**), phía Đông Nam giáp thửa đất của bà Nguyễn Thị **L**, phía Tây Bắc giáp hộ ông Ninh Văn **H2**. *(Có sơ đồ thửa đất kèm theo)*

Hai thửa đất số 567 và 568 hiện đang là thửa đất số 17, tờ bản đồ số 08, diện tích 101,2 m² địa chỉ: tổ 04, phường ĐT, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Giấy chứng nhận QSD đất số DE 858553, sổ vào sổ cấp GCN: CS03286, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hòa Bình cấp ngày 10/8/2022 mang tên hộ bà Nguyễn Thị **L**). Bà **L** và anh **H** có trách nhiệm liên hệ cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để làm thủ tục tách giấy chứng nhận QSD đất của hai thửa đất nêu trên.

1.3. Anh Nguyễn Quang **H** phải thanh toán cho anh Nguyễn Văn **T** số tiền là 146.278.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm bảy tám nghìn đồng), khi anh **T** mất tích trở về.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất

cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Anh Nguyễn Quang H phải nộp 7.314.000 đồng (Bảy triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/02/2023). Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp, tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND TP Hòa Bình;
- Chi cục THADS TPHB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Trường Sơn

